

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 460 /2021/HS-ST  
Ngày : 12/11/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Nguyễn Triều Châu.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trang Văn Hai và bà Huỳnh Thị Kim Kiên.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Cán bộ Tòa án N1 dân T1 phố

Biên Hòa.

- ***Đại diện VKSND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:***  
Ông Trương Kim Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở TAND thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số : 535/2021/ TLST-HS ngày 18/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 500/2021/QĐXXST-HS ngày 28/10/2021 với các bị cáo:

- **Lê Văn T1, sinh năm 1996 tại Thanh Hóa.** Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 2, phường An Bình, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (Còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/4/2021 chuyển tạm giam theo lệnh tạm giam số 644 ngày 07/5/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa, có đơn xin vắng mặt.

- **Trịnh Hồng N1, sinh năm 1976 tại tỉnh Phú Thọ.** Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ 3, khu phố Hương Phước, phường P, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Thanh T (đã chết) và bà Nguyễn Thị X (đã chết); Có vợ: Lê Thị T1, có 02 con , con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/4/2021 chuyển tạm giam theo lệnh tạm giam số 645 ngày 07/5/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Đến ngày 10/6/2021 được áp dụng bảo lãnh theo Quyết định về việc bảo lãnh số 5792 ngày 10/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Bị cáo tại ngoại và có đơn xin vắng mặt.

- **Lê Thị T2, sinh năm 1980 tại tỉnh Thanh Hóa.** Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ 3, khu phố Hương Phước, phường P, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn N (đã chết) và bà Lê Thị N1(còn sống); Có chồng: Trịnh Hồng N1, có 02 con , con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/4/2021. Đến ngày 07/5/2021 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 646 ngày 07/5/2021 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo tại ngoại và có đơn xin vắng mặt.

- Bị hại: Đỗ Thị V, sinh năm 1969. Trú tại: Khu phố 13, phường Hồ Nai, Biên Hòa, Đồng Nai (xin vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình điều tra, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2019, thông qua mạng xã hội, Lê Văn T1 quen biết với chị Đỗ Thị V (sinh năm 1969), ngụ tại khu phố 13, phường Hồ Nai, thành phố B, tỉnh Đ. Khoảng 11 giờ 00 ngày 24/4/2021, chị V điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH125, biển số 60B4-675.34 đi đến khu vực bến xe Đồng Nai thuộc phường Bình Đa, thành phố B đón Lê Văn T1 rồi cả hai cùng đi chơi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH125, biển số 60B4-675.34 chở chị V đến tiệm xăm hình địa chỉ khu phố 12, phường An Bình, T1 phố Biên Hòa do chị Trịnh Thùy Liên (sinh năm 1997) làm chủ để xăm hình. Khi đến tiệm xăm T1 dựng xe mô tô biển số 60B4-675.34 ở ngoài tiệm xăm còn chị V vào trong tiệm để xăm hình. Trong lúc chị V đang xăm hình, T1 ở bên ngoài đã nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô biển số 60B4-675.34 của chị V bán lấy tiền tiêu xài nên T1 đã dắt xe mô tô biển số 60B4-675.34 đi đến sát cửa phòng nơi chị V đang nằm xăm hình với mục đích để xe mô tô bắt sóng chìa khóa xe (SmartKey) mà chị V đang giữ để mở khóa xe mô tô. Sau khi mở được khóa xe, T1 đã lén lút lấy xe mô tô biển số 60B4-675.34 của chị V dắt ra ngoài rồi đề nổ máy xe mô tô biển số 60B4-675.34 bỏ đi. Khi T1 trộm xe của chị V thì chị Liên nhìn thấy nhưng tưởng T1 lấy xe đi mua đồ nên không nói cho chị V biết. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T1 điều khiển xe mô tô biển số 60B4-675.34 đã trộm cắp của chị V đi đến điểm mua bán phế liệu địa chỉ số 383A tổ 4, khu phố 5, phường Long Bình, thành phố B do vợ chồng Trịnh Hồng N1, Lê Thị T2 làm chủ gặp T2 để cầm xe, T2 hỏi T1 xe có giấy tờ, chìa khóa không thì T1 nói không có, sau đó T2 đi vào nói cho N1 biết là T1 đến cầm xe nhưng xe không có giấy tờ, chìa khóa và cầm với số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), N1, T2 biết đây là tài sản do T1 phạm tội mà nhưng do hám lợi nên N1, T2 đồng ý nhận cầm xe mô tô biển số 60B4-675.34 với số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), số tiền này T1 đã sử dụng chơi game bắn cá hết. Đến sáng ngày 25/4/2021, T1 tiếp tục đi đến gặp T2 lấy thêm 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền cầm xe mô tô biển số 60B4-675.34, số tiền này

T1 cũng đã tiêu xài hết. Để có thêm tiền tiêu xài nên T1 nói với Phạm Xuân Huy (tên gọi khác Tý cá nục) sinh năm 1989, ngụ tại 97/4, khu phố 1, phường An Bình, T1 phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và đối tượng tên Bình lùn (không rõ N1 thân) đi đến chuộc xe và nhờ cầm cho người khác để lấy thêm tiền tiêu xài, Huy, Bình lùn đồng ý. Đến ngày 27/4/2021, Phạm Xuân Huy cùng với Bình lùn (không rõ N1 thân) đi đến gặp vợ chồng N1, T2 đưa số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) tiền gốc và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền lời rồi lấy xe mô tô biển số 60B4- 675.34 đi về. Sau khi lấy xe mô tô biển số 60B4-675.34, T1 liền thay biển số 94E1- 075.37 đã nhặt được thay vào xe mô tô, còn biển số 60B4-675.34 T1 vứt bỏ. Sau đó, T1 đưa xe mô tô đã trộm cắp của chị V đã được thay biển số 94E1- 075.37 đưa cho Phạm Xuân Huy và đối tượng tên Bình lùn (không rõ N1 thân) để nhờ xem có ai nhận cầm xe để lấy tiền trả cho Huy đã bỏ tiền ra chuộc xe và lấy thêm tiền tiêu xài thì Huy, Bình lùn liên hệ với Nguyễn Trí Thúc (sinh năm 1996), ngụ tại số 18/1 tổ 22, khu phố 5, phường Trảng Dài, T1 phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đưa xe mô tô biển số 94E1- 07537 đi cầm, Thúc đồng ý. Thúc đưa xe đến cầm cho Nguyễn Đức Phi (sinh năm 1991), ngụ tại số 58, khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố B cầm được số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) rồi đem về trả cho Huy số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng), còn lại 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) Thúc đưa cho T1, số tiền này T1 đã tiêu xài hết. Sau khi biết T1 trộm cắp xe, Phạm Xuân Huy đã liên hệ với Nguyễn Đức Phi chuộc lại xe mô tô do T1 trộm cắp của chị Vân đã được thay biển số 94E1- 07537 với giá 20.800.000 đồng (hai mươi triệu, tám trăm nghìn đồng) giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa.

Sau khi T1 trộm cắp xe mô tô của mình, chị Đỗ Thị V đã điện thoại cho T1 để lấy lại xe nhưng không liên lạc được nên chị Vân đã nhờ anh Nguyễn Trọng Thanh (sinh năm 1992), ngụ tại tổ 2, khu phố 3, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa và anh Lê Văn Hạnh (sinh năm 1982), ngụ tại số 180, tổ 2, khu phố 11, phường An Bình, thành phố B tìm T1 để lấy lại xe, do không tìm được T1 nên chị V đã trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra theo thẩm quyền.

Đến ngày 28/4/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T1 phố Biên Hòa làm việc với Lê Văn T1, Trịnh Hồng N1, Lê Thị T2 và T1, N1, T2 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can Lê Văn T1, bút lục số: 76- 84;

Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can Trịnh Hồng N1, (bút lục số 89- 95);

Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can Lê Thị T2, (bút lục số 100- 108);

Biên bản ghi lời khai bị hại chị Đỗ Thị Vân, (bút lục số 109- 112);

Biên bản ghi lời khai người làm chứng, anh Nguyễn Trọng Thanh, anh Lê Văn Hạnh và chị Trịnh Thùy Liên (bút lục số 113- 120; 129);

Bản tường trình, biên bản ghi lời khai những người liên quan anh Phạm Xuân Huy, anh Nguyễn Trí Thức, anh Nguyễn Đức Phi và anh Vòng Màu Phu, (bút lục số 121- 128; 130);

Biên bản đối chất giữa Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T1 (bút lục số 131- 132);

Các Biên bản nhận dạng (bút lục số 133- 137);

Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu (bút lục số: 141- 143)

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô hiệu SH màu trắng - đen, số khung: 7307GY040479, số máy JF73E- 0040580 đã được thay, gắn biển số 94E1- 075.37 là thuộc sở hữu của chị Đỗ Thị Vân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho chị V là có căn cứ đúng quy định pháp luật (bút lục số 145);

- 01 (một) biển số 60B4-675.34 của mô tô hiệu SH màu trắng- đen không thu hồi được, lý do sau khi chuộc lại xe mô tô T1 đã thay biển số 94E1- 075.37 vào xe mô tô, còn biển số 60B4-675.34 thì T1 vứt bỏ;

- Số tiền 20.800.000 đồng (hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng) là tiền của Phạm Xuân Huy bỏ ra để chuộc lại xe mô tô biển số 60B4- 675.34 do Nguyễn Đức Phi giao nộp lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T1 phố Biên Hòa để xử lý (bút lục số: 141- 143).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 185/KL-HĐĐGTS ngày 28/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa, kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 60B4- 675.34, có tổng giá trị tài sản định giá là 63.040.000 đồng (sáu mươi ba triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn). Bút lục số: 68- 71.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại chị Đỗ Thị V đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì.

Tại cáo trạng số 546/CT-VKSBH ngày 14/10/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Lê Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và truy tố các bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo Lê Văn T1, Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vì lý do dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp. Các bị cáo đồng ý với việc truy tố của Viện kiểm sát N1 dân T1 phố Biên Hòa và không có ý kiến gì về việc truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lê Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tuyên các bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

- Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Xét về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự; Qua quá trình làm việc các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hiện bị cáo N1 đang điều trị bệnh tiểu đường, sỏi ống mật và hẹp động mạch chủ bụng. Do bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng và trong thời gian tại ngoại các bị cáo đã chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương nên không cần cách ly các bị cáo N1 và T2 ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo N1 và hình phạt tiền đối với bị cáo T2 thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Do bị cáo Trịnh Hồng N1 đang điều trị bệnh và hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập của bị cáo N1.

- Về mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; Xử phạt bị cáo Trịnh Hồng N1 từ 16 (mười sáu) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ; Xử phạt bị cáo Lê Thị T2 từ 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy một biển số xe 94E1-075.37 không có giá trị sử dụng.

+ Buộc bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 nộp lại số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền thu lợi bất chính để sung công.

- Đối với Phạm Xuân Huy, Nguyễn Đức Phi, Nguyễn Trí Thức và đối tượng Bình lùn (không rõ lai lịch) là những người chuộc xe, đem xe đi cầm, nhận cầm xe cho T1, khai nhận không biết là xe T1 phạm tội mà có và đến nay cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Biên Hòa chưa xác minh làm việc được đối với đối tượng Bình lùn nên chưa đủ căn cứ xác định Phạm Xuân Huy, Nguyễn Đức Phi, Nguyễn Trí Thức và Bình lùn có hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Biên Hòa tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với số tiền 20.800.000đ (hai mươi triệu tám trăm ngàn đồng) là tiền của Phạm Xuân Huy bỏ ra để chuộc xe mô tô biển số 60B4-675.34 do Nguyễn Đức Phi giao nộp lại cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, hiện cơ quan cảnh sát điều tra đang tạm giữ số tiền này và cần phải tách ra để điều tra làm rõ xử lý sau.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Qua quá trình điều tra và lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của các bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo Lê Văn T1 đã làm đơn xin vắng mặt tại, có xác nhận của Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. Do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp các bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo.

[3] Thực tế có cơ sở chứng minh, vào khoảng 19 giờ ngày 24/4/2021, tại khu phố 12, phường An Bình, thành phố B, tỉnh Đ, Lê Văn T1 đã có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô biển số 60B4-675.34, có tổng trị giá 63.040.000đ (sáu mươi ba triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng). Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 biết rõ xe mô tô biển số 60B4-675.34 do Lê Văn T1 phạm tội mà có nhưng vì hám lợi nên cầm xe cho T1 với giá 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) và thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi của các bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của chị Đỗ Thị V được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo N1 và T2 phạm tội mang tính đồng phạm song ở mức độ giản đơn.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa thì thấy: Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự; Qua quá trình làm việc các bị cáo T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hiện bị cáo N1 đang điều trị bệnh tiểu đường, sỏi ống mật và hẹp động mạch chủ bụng. Do bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng và trong thời gian các bị cáo tại ngoại đã chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương nên không cần cách ly các bị cáo N1 và T2 ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo N1 và hình phạt tiền đối với bị cáo T2 thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Thời gian bị cáo Trịnh Hồng N1 đã bị tạm giam từ ngày 28/4/2021 đến ngày 10/06/2021 được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ).

Do bị cáo Trịnh Hồng N1 đang điều trị bệnh và hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập của bị cáo N1.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy một biển số xe 94E1-075.37 không có giá trị sử dụng.

+ Buộc bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T1 nộp lại số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền thu lợi bất chính để sung công.

[7] Đối với Phạm Xuân Huy, Nguyễn Đức Phi, Nguyễn Trí Thức và đối tượng Bình lùn (không rõ lai lịch) là những người chuộc xe, đem xe đi cầm, nhận cầm xe cho T1, khai nhận không biết là xe T1 phạm tội mà có và đến nay cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Biên Hòa chưa xác minh làm việc được đối với đối tượng Bình lùn nên chưa đủ căn cứ xác định Phạm Xuân Huy, Nguyễn Đức Phi, Nguyễn Trí Thức và Bình lùn có hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Biên Hòa tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[8] Đối với số tiền 20.800.000đ (hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng) là tiền của Phạm Xuân Huy bỏ ra để chuộc xe mô tô biển số 60B4-675.34 do Nguyễn Đức Phi giao nộp lại cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, hiện cơ quan cảnh sát điều tra đang tạm giữ số tiền này và cần phải tách ra để điều tra làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[9] Về án phí: Cần buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

***Vì các lẽ trên,***

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn T1 phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 02 (hai ) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2021.

**2.** Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 (áp dụng đối với bị cáo T2); Điều 36 ( áp dụng đối với bị cáo N1); Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố các bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị T2 15.000.000đ ( mười lăm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Trịnh Hồng N1 16 (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/04/2021 đến

ngày 10/06/2020 (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo Trịnh Hồng N1 nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Giao bị cáo Trịnh Hồng N1 cho Ủy ban nhân dân phường Phước Tân, thành phố B, tỉnh Đ giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trịnh Hồng N1.

**3. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:** Căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy một biên số xe 94E1-075.37 không có giá trị sử dụng.

+ Buộc các bị cáo Trịnh Hồng N1 và Lê Thị T2 nộp lại số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

(Vật chứng được thể hiện biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 11/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

**4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.**

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- Các bị cáo, bị hại.
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- TAND tỉnh;
- VKSND T1 phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS T1 phố Biên Hòa;
- Lưu h/s, án văn.

**Nguyễn Triều Châu**